

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN100
- Mã chứng khoán/ *Securities code*: **FUEIP100**
- Tên CTQLQ/*Fund management Company*: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A/
I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank/ *Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam*
- Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: **29/07/2025**
- Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*
- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No.	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,145,110,000	95.22%
1	ACB	2,100	4.16%
2	BID	100	0.33%
3	BVH	100	0.43%
4	CMG	100	0.35%
5	CTG	400	1.52%
6	DBC	100	0.30%
7	DCM	100	0.30%
8	DGC	100	0.88%
9	DGW	100	0.39%
10	DIG	200	0.39%
11	DPM	100	0.35%
12	DXG	400	0.70%
13	EIB	700	1.71%
14	EVF	300	0.37%
15	FPT	700	6.48%
16	FRT	100	1.30%
17	GAS	100	0.57%
18	GEX	300	1.43%
19	GMD	200	0.97%
20	GVR	100	0.26%
21	HAG	300	0.35%
22	HCM	200	0.45%
23	HDB	1,200	2.84%
24	HDG	100	0.24%
25	IHV	200	0.22%
26	HPG	1,900	4.16%
27	HSG	200	0.32%
28	KBC	200	0.50%
29	KDC	100	0.46%
30	KDH	300	0.73%
31	LPB	1,300	3.95%
32	MBB	1,500	3.59%
33	MSB	1,100	1.34%
34	MSN	400	2.58%
35	MWG	500	2.92%
36	NAB	600	0.77%
37	NKG	200	0.27%
38	NLG	100	0.36%
39	OCB	700	0.81%
40	PAN	100	0.28%
41	PCI	100	0.22%
42	PDR	200	0.37%
43	PLX	100	0.31%
44	PNJ	100	0.72%
45	POW	300	0.37%
46	PVD	100	0.18%
47	PVT	100	0.16%
48	REE	100	0.58%
49	SAB	100	0.41%
50	SBT	200	0.41%
51	SHB	1,600	2.14%
52	SSB	800	1.40%



53	SSI	600	1.79%
54	STB	900	3.67%
55	TCB	2,100	6.22%
56	TCH	200	0.44%
57	TPB	600	0.82%
58	VCB	400	2.09%
59	VCG	200	0.44%
60	VCI	200	0.75%
61	VHM	600	4.77%
62	VIB	1,100	1.72%
63	VIC	500	4.81%
64	VIX	600	1.28%
65	VJC	100	1.06%
66	VND	500	0.94%
67	VNM	400	2.11%
68	VPB	1,800	3.76%
69	VRE	400	0.98%
II.	Tiền/Cash (VND)	57,461,693	4.78%
III.	Tổng/Total	1,202,571,693	100.00%

8. Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đơn/
Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) 1,145,110,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND) 1,202,571,693
- Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) 57,461,693

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order
Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

9. Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	ACB	23,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	39,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of
3	FPT	111,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	58,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	28,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	70,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	86,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	69,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	35,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	25,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	22,600	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

10. Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criterias	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Changes
	29/07/2025	28/07/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creations Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	5,100,000	5,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	10,500	10,500	-
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset value			
Của quỹ ETF/ of the fund	61,331,156,384	60,031,051,206	1,300,105,178
Của 1 lô ETF/ per creation unit	1,202,571,693	1,177,079,435	25,492,258
Của một chứng chỉ quỹ/ per share	12,025.71	11,770.79	254.92
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	1,578.81	1,658.66	(79.85)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 28/07/2025

Item 5 is asset value calculated as at 28-Jul-25

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 27/07/2025

Item 5 is asset value calculated as at 27-Jul-25

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

2703
CÔNG
TNH
T THAI
N LÝ QU
HỨNG M
I.P.
H PHỐ

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)

M.S.D.N: 0102703178 - C.T.T.H.H
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN
I.P.A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

C.T.T.H.H
VIÊN
ĐẦU TƯ
ÁN
A NỘI